

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 3:

“2. Gặp khó khăn do suy giảm kinh tế hoặc vì lý do bất khả kháng buộc phải thay đổi cơ cấu hoặc công nghệ sản xuất, kinh doanh và dẫn đến nguy cơ phải cắt giảm số lao động hiện có từ 30% hoặc từ 30 lao động trở lên đối với người sử dụng lao động có sử dụng dưới 200 lao động; từ 50 lao động trở lên đối với người sử dụng lao động có sử dụng từ 200 đến 1000 lao động; từ 100 lao động trở lên đối với người sử dụng lao động có sử dụng trên 1000 lao động, không kể lao động giao kết hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định có thời hạn dưới 01 tháng.

Những trường hợp được coi là bất khả kháng nêu trên, bao gồm:

- Hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch họa, dịch bệnh làm thiệt hại một phần hoặc toàn bộ cơ sở vật chất, thiết bị, máy móc, nhà xưởng có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh nơi người sử dụng lao động bị thiệt hại;

- Cơ quan có thẩm quyền xác định về quá trình sản xuất của đơn vị gây ô nhiễm môi trường;

- Cơ quan có thẩm quyền xác định về quá trình sản xuất của đơn vị làm ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng;

- Thực hiện chủ trương đã được hoạch định bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc phải thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh.”

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 4:

“1. Mức hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề tối đa 1,5 triệu đồng/người/tháng. Mức hỗ trợ cụ thể được tính theo tháng, thời gian học thực tế của từng nghề hoặc từng khóa học nhưng không quá 06 tháng.

Trường hợp khóa học nghề có những ngày lễ không đủ tháng thì được tính theo nguyên tắc: Dưới 15 ngày tính là 1/2 tháng, từ đủ 15 ngày trở lên tính là 01 tháng để xác định mức hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.”

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 11:

“2. Người sử dụng lao động lập và nộp hồ sơ tham gia bảo hiểm thất nghiệp của người lao động cho cơ quan bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc của người lao động có hiệu lực.

Trường hợp người lao động giao kết nhiều hợp đồng lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Luật Việc làm và đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo hợp đồng lao động giao kết có hiệu lực đầu tiên mà khi chấm dứt hoặc thay đổi hợp đồng dẫn đến người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp thì người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp của hợp đồng lao động giao kết có hiệu lực kế tiếp có trách nhiệm tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.”

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2 và bổ sung Khoản 4 Điều 12:

“1. Thời điểm đóng bảo hiểm thất nghiệp của người sử dụng lao động và người lao động là thời điểm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Người lao động nghỉ việc do ốm đau, nghỉ không hưởng lương, tạm hoãn hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì người lao động và người sử dụng lao động không đóng bảo hiểm thất nghiệp của tháng đó. Thời gian này không được tính là thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì người lao động và người sử dụng lao động không đóng bảo hiểm thất nghiệp nhưng được tính là thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Người lao động được xác định là đang đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Điều 49 Luật Việc làm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người lao động đã đóng bảo hiểm thất nghiệp của tháng chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc và được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận;

b) Người lao động đã đóng bảo hiểm thất nghiệp của tháng liền kề trước tháng chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc và được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận;

c) Người lao động có tháng liền kề trước tháng chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc nghỉ việc hưởng chế độ thai sản hoặc ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng không hưởng tiền lương tháng tại đơn vị và được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận;

d) Người lao động có tháng liền kề trước tháng chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc nghỉ việc không hưởng lương hoặc tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng và được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận.

4. Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp trước khi hưởng trợ cấp thất nghiệp mà chưa được xác nhận thì sau khi cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận bổ sung thời gian này được xem xét là thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp mà chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 3 và bổ sung Khoản 4 Điều 14:

“2. Kinh phí thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm của trung tâm dịch vụ việc làm được tính theo số lượt người được tư vấn, giới thiệu việc làm và sử dụng từ nguồn Quỹ bảo hiểm thất nghiệp, không lấy từ nguồn ngân sách nhà nước.

3. Phí tư vấn, giới thiệu việc làm thực hiện theo quy định của pháp luật về giá dịch vụ công.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Điều này.”

6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 3 Điều 15:

“2. Tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm:

a) Tổ chức tư vấn:

- Trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức thu thập thông tin chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, bảo hiểm thất nghiệp và thông tin thị trường lao động, giáo dục nghề nghiệp;

- Trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức tiếp nhận và thu thập thông tin về nhu cầu, khả năng làm việc của người lao động;

- Trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn cho người lao động.

b) Tổ chức giới thiệu việc làm:

- Trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức thu thập thông tin về vị trí việc làm trống, nhu cầu tuyển lao động của người sử dụng lao động;

- Trung tâm dịch vụ việc làm tiếp nhận và trao đổi thông tin về nhu cầu tìm việc làm, khả năng và kinh nghiệm của người lao động;

- Trên cơ sở thực tế về điều kiện cơ sở vật chất, nhu cầu về việc làm và số người có nhu cầu tìm việc làm, trung tâm dịch vụ việc làm trao đổi, thống nhất với người lao động về vị trí việc làm phù hợp;

- Trung tâm dịch vụ việc làm giới thiệu người lao động tham gia dự tuyển lao động thông qua phiếu giới thiệu việc làm do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định;

- Trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm theo dõi kết quả dự tuyển lao động để kịp thời hỗ trợ người lao động.

3. Trung tâm dịch vụ việc làm bố trí địa điểm, nhân sự và cơ sở vật chất để tổ chức thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động.”

7. Bổ sung điểm e và điểm g tại Khoản 2 Điều 16:

“e) Xác nhận của người sử dụng lao động hoặc người đại diện cho người sử dụng lao động, trong đó có nội dung cụ thể về thông tin của người lao động, thời điểm và lý do mất việc làm.

g) Trường hợp không có văn bản theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e do không có người sử dụng lao động hoặc người đại diện theo pháp luật thì văn bản xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động là đề nghị chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động có xác nhận của tổ chức công đoàn tại đơn vị hoặc liên đoàn lao động quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh trong đó xác định thời điểm và lý do chấm dứt hợp đồng lao động.”

8. Bổ sung Khoản 2a Điều 17:

“2a. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp nếu người lao động không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp thì người lao động phải trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác nộp đề nghị không hưởng trợ cấp thất nghiệp cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ngày đầu tiên của thời hạn 15 ngày là ngày người lao động nộp đủ hồ sơ.”

9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 và bổ sung Khoản 8, Khoản 9 Điều 18:

“3. Sau thời hạn trả kết quả ghi trong phiếu hẹn trả kết quả, nếu người lao động không trực tiếp đến nhận quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp thì được coi là không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày người lao động không đến nhận quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định, trung tâm dịch vụ việc làm trình Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động.

Quyết định về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp được trung tâm dịch vụ việc làm gửi: 01 bản đến Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh để không chi trả trợ cấp thất nghiệp cho người lao động; 01 bản đến người lao động. Quyết định về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp thực hiện theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định.

8. Trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp người lao động phải thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng trừ trường hợp:

a) Nam từ đủ 60 tuổi trở lên, nữ từ đủ 55 tuổi trở lên.

b) Người lao động được xác định thuộc danh mục bệnh phải điều trị dài ngày có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền.

c) Nghỉ hưởng chế độ thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền. Riêng đối với trường hợp nam giới có vợ chết sau khi sinh con mà phải trực tiếp nuôi dưỡng con thì giấy tờ xác nhận là giấy khai sinh của con và giấy chứng tử của người mẹ.

d) Người lao động đang tham gia khóa học nghề và có xác nhận của cơ sở dạy nghề.

đ) Thực hiện hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 01 tháng.

e) Cha, mẹ, vợ/chồng, con của người lao động chết có giấy chứng tử; người lao động hoặc con của người lao động kết hôn có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

9. Ngày đầu tiên của thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều này là ngày trung tâm dịch vụ việc làm nhận đủ hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động theo quy định.”

10. Bổ sung Khoản 3, Khoản 4 Điều 19:

“Điều 19. Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp

3. Thời gian tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp, người lao động không được hưởng trợ cấp thất nghiệp. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với số tháng mà người lao động bị tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp sẽ không được bảo lưu làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần hưởng tiếp theo khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

4. Thời gian tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp, người lao động được đề nghị học nghề, hỗ trợ học nghề và hưởng chế độ bảo hiểm y tế.”

11. Sửa đổi, bổ sung điểm b, d, đ, e, h Khoản 1; Khoản 2 và Khoản 5 Điều 21:

“b) Có việc làm

Người lao động được xác định là có việc làm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đã giao kết hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên. Ngày mà người lao động được xác định có việc làm là ngày hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động có hiệu lực theo quy định của pháp luật;

- Có quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm đối với những trường hợp không thuộc đối tượng giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc. Ngày có việc làm trong trường hợp này được xác định là ngày bắt đầu làm việc của người đó ghi trong quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm.

- Chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ quan có thẩm quyền cấp:

Đối với ngành nghề kinh doanh không điều kiện: ngày có việc làm đối với chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là ngày ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Đối với ngành nghề chỉ kinh doanh các ngành nghề có điều kiện: ngày có việc làm đối với chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là ngày đáp ứng đủ các điều kiện để hoạt động kinh doanh.

- Người lao động thông báo đã tự tạo việc làm cho trung tâm dịch vụ việc làm. Ngày mà người lao động được xác định có việc làm là ngày ghi trong thông báo đã tự tạo việc làm của người lao động.

d) Hưởng lương hưu hằng tháng

Ngày mà người lao động được xác định nghỉ hưu là ngày đầu tiên tính hưởng lương hưu được ghi trong quyết định hưởng lương hưu hằng tháng của cơ quan có thẩm quyền hoặc trong văn bản thông báo của cơ quan bảo hiểm xã hội gửi trung tâm dịch vụ việc làm.

đ) Sau 02 lần người lao động từ chối việc làm do trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp giới thiệu mà không có lý do chính đáng

Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp từ chối việc làm thuộc một trong các trường hợp sau, được xác định là không có lý do chính đáng:

- Người lao động được trung tâm dịch vụ việc làm giới thiệu việc làm phù hợp với ngành nghề, trình độ được đào tạo mà người lao động đã ghi trong phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm nhưng không đến tham gia dự tuyển lao động;

- Người lao động được trung tâm dịch vụ việc làm giới thiệu việc làm mà người lao động đó đã từng làm nhưng không đến tham gia dự tuyển lao động;

- Người lao động đã tham gia dự tuyển lao động theo giới thiệu của trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp và có thông báo trúng

tuyển của người sử dụng lao động nhưng không nhận việc làm đã trúng tuyển, trừ trường hợp việc làm đó không đúng như thông báo tuyển lao động của người sử dụng lao động.

e) Trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, 03 tháng liên tục không thực hiện thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm với trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định.

Ngày mà người lao động được xác định bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp là ngày kết thúc của thời hạn thông báo tìm kiếm việc làm của tháng thứ 3 liên tục mà người lao động không thực hiện thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm.

h) Đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên

Ngày mà người lao động được xác định đi học tập có thời hạn 12 tháng trở lên là ngày nhập học được ghi trong giấy báo nhập học.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày người lao động thuộc các trường hợp bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại các Điểm b, c, d và h Khoản 1 Điều này, người lao động phải thông báo với trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp và kèm theo giấy tờ có liên quan đến việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (bản chụp), trường hợp gửi theo đường bưu điện thì tính theo ngày ghi trên dấu bưu điện.

Đối với trường hợp quy định tại điểm g, người lao động chỉ cần thông tin qua điện thoại hoặc gửi thư điện tử cho trung tâm dịch vụ việc làm mà không cần thông báo theo quy định nêu trên.

5. Người lao động bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp thuộc các trường hợp quy định tại các điểm b, c, h, l, m và n Khoản 1 Điều này thì thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với thời gian còn lại mà người lao động chưa nhận trợ cấp thất nghiệp được bảo lưu làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần hưởng trợ cấp thất nghiệp tiếp theo khi đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định, trừ trường hợp người lao động bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại điểm b, c, h Khoản 1 Điều này nhưng không thực hiện thông báo theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Thời gian bảo lưu được tính bằng tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp trừ đi thời gian đóng đã được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo nguyên tắc mỗi tháng đã hưởng trợ cấp thất nghiệp tương ứng 12 tháng đã đóng bảo hiểm thất nghiệp và trừ những tháng lẻ chưa giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp được bảo lưu trong quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp (nếu có).”

12. Bổ sung Khoản 9 Điều 22:

“9. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện đối với trường hợp người lao động có nhiều lần chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp, chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp quá thời hạn quy định và

chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp trong thời gian tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp.”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 23:

“Điều 23. Bảo hiểm y tế

Cơ quan bảo hiểm xã hội cấp thẻ bảo hiểm y tế và trao cho người lao động cùng thời điểm với thời điểm nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp.”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 24:

“Điều 24. Hỗ trợ học nghề

1. Nghề mà mức hỗ trợ

a) Nghề được hỗ trợ bao gồm:

- Các nghề trong danh mục nghề theo quy định của pháp luật;
- Các khóa đào tạo, bồi dưỡng; đào tạo nâng cao kỹ năng nghề theo quy định của pháp luật.

b) Người lao động tham gia học nghề theo quy định tại Khoản 1 Điều này được hỗ trợ các khoản sau:

- Hỗ trợ học phí học nghề;

- Hỗ trợ chi phí đi lại.

c) Mức hỗ trợ học nghề theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề đối với người lao động có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 09 tháng trở lên đang chờ kết quả giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc đang hưởng trợ cấp thất nghiệp là đề nghị hỗ trợ học nghề theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định.

b) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề đối với người lao động có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 09 tháng trở lên nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, bao gồm:

- Đề nghị hỗ trợ học nghề theo quy định tại điểm a Khoản này;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định này;

- Sổ bảo hiểm xã hội;

- Thông báo của trung tâm dịch vụ việc làm về việc người lao động không được hưởng trợ cấp thất nghiệp.”

15. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4, Khoản 5 Điều 25:

“1. Người lao động đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 55 Luật Việc làm có nhu cầu học nghề được hỗ trợ học 01 nghề tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp hoạt động giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo nghề nghiệp). Phương thức hỗ trợ kinh phí học nghề theo tháng hoặc theo gói, được thực hiện thông qua cơ sở đào tạo nghề nghiệp.

2. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, người lao động chưa có việc làm và có nhu cầu học nghề phải trực tiếp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề cho trung tâm dịch vụ việc làm. Trường hợp người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp mà có nhu cầu học nghề thì ngày kết thúc thời hạn đề nghị hỗ trợ học nghề là ngày cuối cùng hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp.

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề theo quy định tại điểm a Khoản 2 **Điều 24** đã được sửa đổi, bổ sung tại **Khoản 14 Điều 1** Nghị định này nộp cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc nơi người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp;

b) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề theo quy định tại điểm b Khoản 2 **Điều 24** đã được sửa đổi, bổ sung tại **Khoản 14 Điều 1** Nghị định này nộp cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động có nhu cầu học nghề.

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề, trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm xác định cụ thể nghề, thời gian học nghề, thời điểm bắt đầu học nghề, mức hỗ trợ học nghề, cơ sở đào tạo nghề nghiệp để trình Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định việc hỗ trợ học nghề cho người lao động. Thời điểm bắt đầu học nghề của người lao động là thời điểm sau khi ban hành quyết định về việc hỗ trợ học nghề nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày ban hành quyết định về việc hỗ trợ học nghề.

Quyết định về việc hỗ trợ học nghề được trung tâm dịch vụ việc làm gửi: 01 bản đến Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh để thực hiện chi trả cho cơ sở đào tạo nghề nghiệp; 01 bản đến cơ sở đào tạo nghề nghiệp để thực hiện việc đào tạo nghề cho người lao động; 01 bản đến người lao động. Quyết định về việc hỗ trợ học nghề thực hiện theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định.

Trường hợp người lao động không được hỗ trợ học nghề thì trung tâm dịch vụ việc làm phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp người lao động đã hưởng hết thời gian được hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định mà vẫn tiếp tục học nghề hoặc chuẩn bị tham gia học nghề theo quyết định của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thì vẫn được hỗ trợ học nghề cho đến hết thời gian học nghề.

5. Hằng tháng, cơ sở đào tạo nghề nghiệp lập danh sách có chữ ký của người lao động đang học nghề chuyên cho cơ quan bảo hiểm xã hội và chụp 01 bản gửi trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động đề nghị hỗ trợ học nghề.

Trường hợp, người lao động học nghề ở địa phương không phải nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp thì cơ sở đào tạo nghề nghiệp gửi danh sách có chữ ký của người lao động đang học nghề cho cơ quan bảo hiểm xã hội nơi người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp để thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ học nghề theo quy định.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày người lao động nộp bản chụp văn bằng hoặc chứng chỉ nghề, cơ quan bảo hiểm xã hội tổ chức chi trả kinh phí hỗ trợ đi lại cho người lao động.”

16. Bổ sung Khoản 4a Điều 26:

“Điều 26. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

4a. Giấy tờ chứng minh người sử dụng lao động gặp khó khăn do suy giảm kinh tế hoặc các trường hợp bất khả kháng.”

17. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 và bổ sung Khoản 9a Điều 32 như sau:

“5. Thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày người lao động chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, người sử dụng lao động phải cung cấp bản sao hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc xác nhận về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc cho người lao động và thực hiện thủ tục xác nhận về việc đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động để người lao động hoàn thiện hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

9a. Phôi hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trong việc thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp, tiền hỗ trợ học nghề của người lao động.”

18. Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 và bổ sung Khoản 16a Điều 36:

“6. Dừng chi trả các khoản trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề, hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

16a. Rà soát, kiểm tra trước khi chi trả các chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động và người sử dụng lao động.”

19. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 40:

“2. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm đảm bảo ngân sách hỗ trợ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Điều 7 Nghị định này và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sử dụng kinh phí tổ chức thực hiện bảo hiểm thất nghiệp từ nguồn Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.”

Điều 2. Bãi bỏ Khoản 2 Điều 20, Khoản 3 Điều 22 và Khoản 11 Điều 30 của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc